TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/ KDTM-PT,
Ngày: 27/ 3/2024,
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Võ Kế Nghiệp,**

Các Thẩm phán: **Ông Phan Văn Thuấn,**

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Mỹ Thanh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Thư ký phiên tòa;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Quỳnh Trâm** - Kiểm sát viên;

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/TB-TL.KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng mua bán";

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXPT-KDTMTM ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N

Địa chỉ trụ sở (theo bản án sơ thẩm): Tổ 9, ấp Tân C, Phước T, thành phố Biên H, tỉnh ĐN;

- Người đại diện theo pháp luật: **Bà Trần Thị Thu O** - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Trung H - Tổng giám đốc;

- Người đại diện ủy quyền lại: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, bà Lê Thị Mỹ C;

* Thời điểm xét xử phúc thẩm, Công ty có thay đổi địa chỉ trụ sở và người đại diện ủy quyền, ủy quyền lại như sau:

- Địa chỉ Công ty: Lô 7, đường 5C, KCN Nhơn T2, xã Phú H, huyện Nhơn T, tỉnh ĐN;

- Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 0108/2023/GUQ/TGN

ngày 01/8/2023): Bà Nguyễn Thị Kiều N - Tổng Giám đốc;

- Người đại diện ủy quyền lại (văn bản ủy quyền số 0208/2023/UQ ngày 02/8/2023):

+ Bà Huỳnh Thị Ngọc H;

+ Bà Nguyễn Minh H;

Cả hai cùng cư ngụ Lô 7, đường 5C, KCN Nhơn T2, xã Phú H, huyện Nhơn T, tỉnh ĐN;

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T;**

Trụ sở: Tổ 6, ấp Đường B, xã Dương T, Tp.Phú Q, tỉnh K

- Người đại diện theo pháp luật: **Bà Phạm Ngọc Q** - Giám đốc;

- Người đại diện theo văn bản ủy quyền số 03/2023/GUQ-HT ngày 18/8/2023 gồm:

+ Ông Tống Chí C - Chuyên viên pháp chế;

+ Ông Tô Văn T - Nhân viên hành chính hỗ trợ pháp lý;

+ **Ông Cấn Văn M -** Phụ trách bộ phận thanh quyết toán;

+ **Bà Nguyễn Lê Thị Thanh T -** Chuyên viên kế hoạch - Tiến độ;

Các ông, bà có tên trên làm việc tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T;

Tham dự phiên tòa có mặt các đương sự: Ông Tống Chí C, Bà Nguyễn Minh H; riêng bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông Tô Văn T, ông Cấn Văn M, bà Nguyễn Lê Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-7-2019 và quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn trình bày: Ngày 10-11-2015, công ty Cổ phần vật liệu Xây dựng Thế Giới N (gọi tắt là Công ty Thế Giới N) và công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T (gọi tắt là Công ty Hùng T) đã ký kết Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình thuộc Trung tâm Du lịch Bãi T tại Tổ 6, ấp Đường B, xã Dương T, thành phố Phú Q. Theo HĐ số 667/2015/HĐKT/TGN. Công ty Thế Giới N cung cấp bê tông trộn sẵn giao từng đợt theo yêu cầu của Công ty Hùng T. Công ty Hùng T có trách nhiệm tạm ứng trước cho Công ty Thế Giới N 80% giá trị đơn đặt hàng từ khi đơn đặt hàng được Công ty Thế Giới N chấp thuận. Công ty Hùng T thanh toán 20% còn lại sau khi nhận được kết quả nén mẫu bê tông và hóa đơn tài chính sau 10 ngày;

Từ khi giao kết hợp đồng, Công ty Thế Giới N đã bắt đầu cung cấp bê tông thương phẩm từ tháng 12/2015 đến tháng 4/2016 cho Công ty Hùng T và đã xuất tổng

cộng 04 hóa đơn giá trị gia tăng (số **0000518**, ký hiệu GN/16P, ngày 02/4/2016; số **0009568**, ký hiệu GN/14P ngày 29/02/2016; số **0009259**, ký hiệu GN/14P, ngày 21/02/2016; số **0008120**, ký hiệu GN/14P, ngày 31/12/2015) cho Công ty Hùng T có cơ sở thanh toán với tổng số tiền bê tông thương phẩm đã cấp tính theo đơn giá trên hợp đồng là 3.510.812.500 đồng. Công ty Hùng T đã thanh toán cho Công ty Thế Giới N với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại mà Công ty Hùng T chưa thanh toán cho Công ty Thế Giới N là 1.510.812.500 đồng;

Công ty Thế Giới N cho rằng mỗi lần cấp bê tông đều có phiếu xuất kho ghi rõ khối lượng cấp và có ký xác nhận của người nhận hàng của Công ty Hùng T tại công trình. Người nhận hàng của Công ty Hùng T cũng đã ký xác nhận Công ty Thế Giới N đã cung cấp đủ và nhận đúng số lượng là 2.161m^3. Công ty Thế Giới N đã gửi trực tiếp hồ sơ thanh toán đầy đủ cho Công ty Hùng T. Công ty Thế Giới N khẳng định, sau khi gửi hồ sơ thanh toán cho người đại diện Công ty Hùng T tại công trình, mới được biết Công ty Hùng T đã thay đổi nhân sự tại công trình;

Theo hợp đồng, bên Công ty Hùng T cử ông Huỳnh Hữu H, ông Dương Tố M đại diện cho bên mua ký xác nhận khối lượng, nhưng khi giao hàng thì ông H, ông M không trực tiếp ký, người ký là quản lý Công trường, các phiếu giao hàng đều có Bảo vệ và Nhân viên Công ty Hùng T ký nhận. Các hóa đơn tổng khối lượng giao hàng ông H, ông M chỉ ký nháy trình người có thẩm quyền của Công ty duyệt. Tuy nhiên, sau khi trình thì không ký, nên các bảng tổng hợp khối lượng hàng đã giao không có chữ ký xác nhận của bên Công ty Hùng T. Khi xuất 04 hóa đơn Giá trị gia tăng, Công ty Hùng T nhận nhưng không phản hồi, phản đối. Như vậy, Công ty Hùng T đã thừa nhận các hóa đơn. Mặt khác, Công ty Hùng T cho rằng các hóa đơn không hợp lệ, nhưng lại đồng ý trả cho hai đơn hàng là hoàn toàn mâu thuẫn;

Công ty Thế Giới N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Hùng T có trách nhiệm thanh toán một lần cho Công ty Thế Giới N số tiền nợ gốc là: 1.510.812.500 đồng (một tỷ năm trăm mười triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) và tiền lãi chậm trả tính theo lãi suất 1,5%/tháng tạm tính đến ngày 06/7/2022 là: 1.720.148.106 đồng (một tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm lẻ sáu đồng). Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả tạm tính đến ngày 06/7/2022 là: 3.230.960.606 đồng (ba tỷ, hai trăm ba mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng);

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty Thế Giới N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty Hùng T thanh toán số tiền gốc 1.510.812.500 đồng (một tỷ năm trăm mười triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng). Tiền lãi tính đến ngày 18/8/2022 là 1.752.630.575 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), tổng cộng 3.263.443.075 đồng;

Công ty Thế Giới N không khai thêm tình tiết mới, có cung cấp thêm chứng cứ mới gồm: 04 Biên nhận thể hiện ngày 31-03-2016, 04-4-2017, 19-5-2016 và 01 biên nhận tháng 01-2016 (không rõ ngày, bản phô tô). Những chứng cứ này bên nguyên đơn cho rằng có gửi hồ sơ đề nghị thanh toán cho bên bị đơn nhưng bên bị đơn nhận mà không phản hồi ý kiến;

Quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Dương Tố M trình bày: Ông thừa nhận Công ty Hùng T có ký hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 667/2015/HĐKT/TGN ngày 10 tháng 11năm 2015 như Công ty Thế Giới N trình bày;

Tuy nhiên Công ty Hùng T cho rằng, chỉ có 02 đơn hàng ngày 23/12/2015 và ngày 04/01/2016 có tổng số tiền là: 2.502.500.000 đồng được Công ty Hùng T chấp nhận. Công ty Hùng T đã trả đầy đủ số tiền tạm ứng, tương đương 80% của 02 đơn hàng nêu trên với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng. Vì thế, Công ty Hùng T chỉ nợ Công ty Thế Giới N số tiền là 502.500.000 đồng chứ không phải số tiền: 1.510.812.500 đồng như Công ty Thế Giới N trình bày. Phía Công ty Thế Giới N không gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định tại hợp đồng. Tổng khối lượng bê tông theo 02 đơn hàng đã được xác nhận nêu trên chỉ là 1.540m^3, trong khi khối lượng bê tông Công ty Thế Giới N yêu cầu Công ty Hùng T thanh toán là 2.160,5m^3, chênh lệch tới 620,5m^3 với số tiền chênh lệch tương ứng hàng tỷ đồng;

Công ty Hùng T cho rằng 04 hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo (gồm các số 0000518; 0008120; 0009259; 0009568) đều không có chữ ký hay xác nhận phía người mua hàng. Công ty Thế Giới N không cung cấp được đủ hồ sơ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng nên Công ty Hùng T không có cơ sở để thanh toán cho Công ty Thế Giới N theo quy định tại Hợp đồng;

Công ty Hùng T yêu cầu Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu tại đơn khởi kiện của Công ty Thế Giới N;

Tại phiên tòa, những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Phía Công ty Thế giới N thực hiện giao hàng không đúng theo đơn đặt hàng, không có xác nhận khối lượng giao hàng. Các hồ sơ yêu cầu thanh toán và nghiệm thu không đầy đủ chữ ký của hai bên tham gia hợp đồng (bảng tổng hợp đối chiếu khối lượng được xác nhận hai bên, các phiếu giao nhận bê tông, kết quả nén mẫu bê tông 28 ngày). Hình thức tài liệu yêu cầu thanh toán đều là bảng phô tô. Đối với việc xuất 04 hóa đơn (các mã 0008120; 0009259; 009568; 0000518), tổng cộng 3.263.443.075 đồng là không căn cứ vào thực tế hồ sơ, chứng từ theo quy định tại hợp đồng. Do đó, Công ty Thế Giới N yêu cầu Công ty Hùng T thanh toán trên các hóa đơn này là không phản ánh đúng hiện trạng bên đặt hàng và thực tế giao hàng;

Các phiếu giao hàng do Công ty Thế Giới N cung cấp không thể hiện rõ họ tên người nhận hàng, trong hợp đồng ông H, ông M là người đại diện Công ty Hùng T ký nhận khối lượng hàng hóa nhưng hồ sơ Công ty Thế Giới N cung cấp không thể hiện những người này đã nhận hàng. Do đó, các hóa đơn bên Công ty Thế Giới N xuất cho Công ty Hùng T là không có thực, không phản ánh đúng nội dung của hợp đồng hai bên giao kết. Bên Công ty Hùng T không thừa nhận tất cả các chứng từ do bên Công ty Thế Giới N cung cấp trong hồ sơ vụ án;

Nay Công ty Hùng T chỉ đồng ý thanh toán cho hai đơn đặt hàng số 1, số 2. Số tiền còn lại phải thanh toán là 502.500.000 đồng (năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Không thừa nhận và không đồng ý thanh toán theo đơn khởi kiện của Công ty Thế Giới N và lời trình bày, yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trả số tiền 3.263.443.075 đồng;

Ngoài ra bên bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Xác định những biên nhận nguyên đơn cung cấp tại Tòa không phải bản chính, thể hiện giao hồ sơ cho Công ty Hùng T nhưng những hồ sơ hóa đơn thanh toán không hợp lệ, Công ty Hùng T không chấp nhận;

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Q, tỉnh K đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 146, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1, khoản 8, Điều 3, 4, 24, 42, 50 Luật Thương mại 2005; Điều 280 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N;

2- Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T, trả cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N số tiền là 502.500.000 đồng (năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn đồng);

3- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N về việc buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T hoàn trả số tiền 2.760.943.075 đồng (hai tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Ngày 31/8/2022 người đại diện ủy quyền của Công ty thế Giới N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định pháp luật, trong đó có đề

nghị xác minh làm rõ tại cơ quan Thuế về 04 hóa đơn Công ty thế Giới N đã xuất không được Công ty Hùng T thừa nhận;

Ngày 29/8/2022 người đại diện theo pháp luật của Công ty Hùng T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, không chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền 502.500.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện ủy quyền của Công ty thế Giới N có thay đổi yêu cầu tính lãi thấp hơn mức lãi suất chậm trả theo quy định tại Hợp đồng, chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,13%/tháng, tương ứng với 13,5%/năm với số tiền lãi là 1.647.607.353 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả tính đến ngày 27/3/2024 là: 3.158.419.853 đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Hùng T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty Hùng T trả số tiền gốc 502.500.000 đồng và lãi suất chậm trả cho Công ty Thế Giới N theo mức lãi suất mà Công ty Thế Giới N yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh K; người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền theo vụ việc, thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quyền kháng cáo, đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo, các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét kháng cáo của đương sự theo quy định tại Điều 293, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty Thế Giới N được Công ty Hùng T thừa nhận, vào ngày 10 tháng 11 năm 2015 hai bên có xác lập, thực hiện hợp đồng số: 667/2015/HĐKT/TGN, với nội dung: Công ty Thế Giới N cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty Hùng T tại công trình Trung tâm du lịch Bãi T thuộc Tổ 6, ấp Đường B, xã Dương T. Hợp đồng các bên giao kết, thực hiện là tự nguyện, phù hợp với ý chí, nguyện vọng giữa các bên tại thời điểm xác lập, đúng quy định pháp luật; cấp sơ thẩm xác định và giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản"* là đúng quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.2.1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn (Công ty Thế giới N) yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án theo nội dung khởi kiện là: Buộc Công ty Hùng T có trách nhiệm thanh toán một lần cho Công ty Thế Giới N số tiền nợ gốc là: 1.510.812.500 đồng *(một tỷ năm trăm mười triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)* và tiền lãi chậm trả tính theo lãi suất 1,13%/tháng tính đến ngày 27/3/2024 là: 1.647.607.353 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả tạm tính đến ngày 27/3/2024 là: 3.158.419.853 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Hợp đồng số 667/2015/HĐKT/TGN ngày 10 tháng 11 năm 2015 được ký kết giữa các bên thể hiện bên A (Công ty Thế giới N) cung cấp bê tông trộn sẵn cho bên B (Công ty Hùng T) theo từng đợt giao hàng theo yêu cầu của bên B, trước mỗi đợt giao hàng bên B phải tạm ứng trước cho bên A 80% giá trị đơn đặt hàng. Hợp đồng có quy định cụ thể người có trách nhiệm đặt hàng, xác nhận khối lượng của bên B, nếu bên B có thay đổi người đặt hàng, xác nhận khối lượng thì thông báo cho bên A bằng văn bản trước 24 giờ, nếu bên B không thông báo thì khối lượng được thanh toán khi có đủ chữ ký của các bên. Về hồ sơ thanh toán gồm: Bảng tổng hợp đối chiếu khối lượng được hai bên xác nhận, các phiếu giao hàng, kết quả nén mẫu bê tông 28 ngày, hóa đơn tài chính;

Theo hồ sơ vụ án và chứng cứ do hai bên cung cấp thể hiện quá trình thực hiện bên A đã nhận tạm ứng của bên B 80% hai đơn hàng theo khối lượng đặt hàng là 1.540m^3, số tiền tạm ứng mỗi đơn hàng là 1.000.000.000 đồng, tổng cộng 2.000.000.000 đồng. Các đợt giao hàng tiếp theo bên A cho rằng để đảm bảo tiến độ nên mặc dù không đảm bảo các điều kiện giao kết bên A vẫn tiếp tục cung cấp bê tông cho bên B với khối lượng có tạm ứng và không tạm ứng là 2.160,5m^3, chênh lệch 620,5m^3. Tuy nhiên khối lượng chênh lệch không được bên B thừa nhận. Xét về các giao kết bên A đã vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng như: Việc đặt hàng, tạm ứng trước theo giá trị từng đơn hàng, việc ký nhận hàng và xác nhận khối lượng của người được chỉ định trong hợp đồng, từ đó không cung cấp đủ hồ sơ thanh toán. Lẽ ra bên A có quyền tạm ngưng thực hiện hợp đồng khi bên B không đáp ứng đủ các điều kiện giao kết nhưng bên A vẫn thực hiện do đó lỗi thuộc về bên A. Tại cấp sơ thẩm và

trong đơn kháng cáo phúc thẩm bên A có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ xác minh việc bên B kê khai khấu trừ thuế đầu vào đối với 04 hóa đơn giá trị gia tăng mà bên A đã xuất cho bên B (số 0000518, ký hiệu GN/16P, ngày 02/4/2016; số 0009568, ký hiệu GN/14P ngày 29/02/2016; số 0009259, ký hiệu GN/14P, ngày 21/02/2016; số 0008120, ký hiệu GN/14P, ngày 31/12/2015) với khối lượng là 2.160,5m^3, qua kết quả trả lời tại Công văn số 1529/CTKGI-TTKT1 của Cục thuế tỉnh K xác định *"Công ty Hùng T không có ghi nhận chứng từ đầu vào trên hệ thống sổ sách kế toán và không kê khai khấu trừ đối với 04 hóa đơn nêu trên"*. Mặt khác chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2020 bên A có Biên bản thanh lý hợp đồng số 667/2015/HĐKT/TGN ngày 10 tháng 11 năm 2015 và có Công văn số 80/2020/CV/TGN đề nghị bên B trả số tiền bên B còn nợ lại bên A theo hợp đồng số 667/2015/HĐKT/TGN ngày 10 tháng 11 năm 2015 là 502.500.000 đồng (BL 25, 111,112), như vậy bên A đã thừa nhận bên B còn nợ số tiền 502.500.000 đồng, do đó kháng cáo của Bên A yêu cầu bên B phải trả số tiền 3.158.419.853 đồng gồm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/3/2024 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2]. Xét kháng cáo của bị đơn (Công ty Hùng T), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn (bên B) thừa nhận có đặt 02 đơn hàng, cho bên A tạm ứng 02 đơn hàng là 2.000.000.000 đồng và đã nhận hàng của bên A 1.540m^3 bê tông; với khối lượng đã nhận bên B còn thiếu bên A 502.500.000 đồng, tuy nhiên bên B cho rằng do bên A không cung cấp đủ chứng từ nên không đồng ý thanh toán cho bên A. Xét kháng cáo của bên B thấy rằng quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thực hiện các giao kết theo thỏa thuận. Tại phiên tòa và hồ sơ vụ án, bên B thừa nhận tạm ứng đơn hàng thứ nhất ngày 23/12/2015, đơn hàng thứ hai ngày 04/01/2016 (chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tạm ứng lần 1 ngày 24/12/2015, lần 2 ngày 22/01/2016 - BL 141,142). Theo thỏa thuận của hợp đồng bên B có nghĩa vụ thanh toán cho bên A sau khi nhận được phiếu giao hàng, xác nhận khối lượng, kết quả nén mẫu bê tông và hóa đơn tài chính sau 10 ngày; quá trình thực hiện hợp đồng, giao và nhận hàng, từ tháng 01/2016 đến ngày 19/5/2016 bên A đã xuất và gửi các hóa đơn (số 0000518, 0009568, 0009259, 0008120) kèm bảng đối chiếu công nợ và bên B ông Dương Tố M, bà Nguyễn Thị H đã nhận (BL 307,308) nhưng không có ý kiến phản hồi, đối chiếu để hoàn tất thủ tục thanh toán cho bên A (BL 25, 111,112), bên A đã có nhiều email gửi cho bên B đề nghị đối chiếu, xác nhận khối lượng, công nợ nhưng hồ sơ không có chứng cứ thể hiện bên B có phản hồi, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền của bên B cho rằng do khối lượng bên A đề nghị xác nhận nhiều hơn khối lượng bên B đặt hàng nên bên B không gửi email, văn bản phản hồi mà chỉ phản hồi qua điện thoại. Mặt khác nếu bên B cho rằng khối lượng bên A đề nghị thanh toán nhiều hơn khối lượng bên B đã nhận thì lẽ ra khi nhận được biên bản thanh lý hợp đồng và Công văn của bên A

yêu cầu bên B trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 502.500.000 đồng (BL 25, 111,112) thì Bên B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bên A nhưng bên B không thực hiện, do đó có thể xác định lỗi thuộc về bên B; từ phân tích trên xét thấy có thể buộc bên B ngoài việc phải trả nợ gốc còn phải trả lãi theo lãi suất chậm trả trên số tiền bên B còn thiếu là 502.500.000 đồng. Tại phiên tòa Bên A xác định khối lượng hai đơn hàng bên B đã đặt, bên A đã xuất hóa đơn số 0008120 ngày 31/12/2015 và hóa đơn số 0009259 ngày 21/02/2016, bên A không yêu cầu tính lãi đối với hóa đơn số 0008120 ngày 31/12/2015 vì giá trị đơn hàng này thấp hơn số tiền bên B tạm ứng cho bên A. Như vậy khối lượng bê tông còn lại có giá trị 502.500.000 đồng theo hóa đơn 0009259 ngày 21/02/2016, bên B đã nhận được hóa đơn vào ngày 31/3/2016 (BL308) do đó bên B có nghĩa vụ thanh toán cho bên A hạn chót là ngày 10/4/2016 theo như thỏa thuận (10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn); bên B không thanh toán nên có thể xác định ngày chậm thanh toán là ngày 11/4/2016, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm (theo bên A yêu cầu) là 07 năm, 11 tháng 16 ngày (từ 11/4/2016 đến 27/03/2024). Với mức lãi suất chậm trả được hai bên chấp nhận là 1,13%/tháng, tương ứng với 13,5%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên ghi nhận. Lãi suất chậm trả là:

- 502.500.000 đồng x 07 năm x 13,5% = 474.862.500 đồng (1)

- 502.500.000 đồng x 11 tháng x 1,13% = 62.460.750 đồng (2)

- 502.500.000 đồng x 16 ngày x 0,0377% = 3.031.080 đồng (3)

Cộng (1) + (2) + (3) = 540.354.330 đồng.

Như vậy tổng cộng tiền gốc và lãi bên B có nghĩa vụ thanh toán cho bên A là **1.042.854.330 đồng;**

[2.3]. Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại cấp sơ thẩm, theo Biên bản phiên tòa (BL 322) bị đơn đồng ý ngoài việc trả số tiền gốc 502.500.000 đồng còn trả thêm cho nguyên đơn 100.000.000 đồng nhưng không được cấp sơ thẩm ghi nhận là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác quyết định của Bản án sơ thẩm ghi nhận việc bị đơn đồng ý trả số tiền gốc chậm thanh toán cho nguyên đơn nhưng chưa xem xét đến yếu tố lỗi để xác định lãi suất chậm thanh toán là có thiếu sót. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm;

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX thống nhất chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên. chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[3.1]. Án phí giá ngạch.

- Công ty Thế Giới N kháng cáo được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí như sau:

3.158.419.853 - 1.042.854.330 đồng = 2.115.565.523 đồng;

2.115.565.523 đ = 72.000.000 đ + (115.565.523 x 2%) = **74.311.310 đồng.** Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 39.758.407 đồng Công ty Thế Giới N đã nộp theo biên lai thu số 0006656 ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, Công ty Thế Giới N còn phải nộp thêm số tiền 34.552.903 đồng (ba mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm lẻ ba đồng);

- Công ty Hùng T phải chịu án phí trên số tiền gốc và lãi chậm thanh toán 1.042.854.330 đồng = 36.000.000đ + (242.854.330 x 3%) = 43.285.630 đồng (bốn mươi ba triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

[3.2]. Án phí phúc thẩm.

- Công ty Thế Giới N kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho Công ty Thế Giới N 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000467 ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;

- Công ty Hùng T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí 2.000.000 đồng, khấu trừ 2.000.000 đồng Công ty Hùng T đã nộp theo biên lai thu số 0000479 ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 148, 273, 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1, khoản 8, Điều 3 và các Điều 4, 24, 42, 50, 360 Luật Thương mại 2005;

Áp dụng các Điều 280, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N;

Sửa bản án sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh K;

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T trả cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N số tiền gốc 502.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả 540.354.330 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N là 1.042.854.330 đồng (một tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N về việc buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T hoàn trả số tiền 2.115.565.523 đồng (hai tỷ, một trăm mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng).

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại:

[3.1]. Án phí giá ngạch.

- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N kháng cáo được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí: 2.115.565.523 đồng = 72.000.000đ + (115.565.523 x 2%) = 74.311.310 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 39.758.407 đồng Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N đã nộp theo biên lai thu số 0006656 ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N còn phải nộp thêm số tiền 34.552.903 đồng (ba mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm lẻ ba đồng);

- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T phải chịu án phí trên số tiền gốc và lãi chậm thanh toán 1.042.854.330 đồng = 36.000.000đ + (242.854.330 x 3%) = 43.285.630 đồng (bốn mươi ba triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

[3.2]. Án phí phúc thẩm.

- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế Giới N 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000467 ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;

- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí 2.000.000 đồng, khấu trừ 2.000.000 đồng Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng T đã nộp theo biên lai thu số 0000479 ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh KG.
- TAND thành phố Phú Quốc;
- THADS thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

Võ Kế Nghiệp